

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v tranh chấp ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Theo đơn ly hôn ngày 02/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K.A trình bày: Bà và ông Hoàng Minh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/7/201x theo giấy chứng nhận kết hôn số x, quyền số 01/201x. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bên chồng hòa thuận bình thường. Đến khoảng tháng 9 năm 2017, ông T lơ là công việc, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, gây nợ nần, sống không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng đến những mối quan hệ trong gia đình nên đầu năm 2019, bà và 02 con chung đã dọn ra ngoài sống riêng cho đến nay. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, ông T không quan tâm, hỏi thăm cũng như hỗ trợ bà trong việc chăm sóc, dạy dỗ và đưa đón con đi học mà chỉ ghé cho con được 2-3 lần,

mỗi lần được mấy trăm ngàn đồng. Mặt khác, khoảng thời gian trong năm 2020, ông T có những mối quan hệ mập mờ bên ngoài và công khai đưa lên mạng xã hội. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Ngọc Minh U – sinh ngày x/x/201x và Hoàng Minh E – sinh ngày x/x/201x. Bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con từ khi sinh ra cho đến nay. Ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T là một người sống không có trách nhiệm với con nên việc ông T muốn cấp dưỡng bao nhiêu hay cấp dưỡng như thế nào bà không quan tâm và không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020, bị đơn – ông Hoàng Minh T trình bày: Ông và bà A tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống, vì tính chất công việc nên ông có nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay, ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ con. Ông bà có 02 con chung như bà A trình bày. Sau khi ly hôn, ai nuôi con cũng được nhưng ông không muốn 02 chị em chia cách. Ông sẽ cố gắng chu cấp cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Vợ chồng không có nợ chung.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do ông T vắng mặt và bà A có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn và bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn biết được việc Tòa án Tân Bình thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và có lời khai trình bày ý kiến nhưng cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Theo yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số xx/20xx, quyền số 01/x3 đăng ký ngày xx/x/20xx

tại Ủy ban nhân dân Phường x, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, để xây dựng hạnh phúc gia đình thì cả vợ, chồng phải có sự yêu thương, chia sẻ và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, theo nguyên đơn thì giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con cũng như không có sự tôn trọng tình cảm vợ chồng. Phía bị đơn cho rằng vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong suốt quá trình vợ chồng sống ly thân cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết bị đơn không thể hiện được trách nhiệm của bản thân, tình cảm yêu thương đối với vợ con cũng như không nêu được giải pháp, mong muốn hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Do đó, nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Hoàng Ngọc Minh U – sinh ngày x/x/201x và Hoàng Minh E – sinh ngày x/x/201x. Hội đồng xét xử nhận thấy cả 02 trẻ đều hiện đang ở với mẹ, trẻ Thùy có nguyện vọng được ở với mẹ. Phía bị đơn không có tranh chấp gì đối với việc ai nuôi con và cũng có nguyện vọng để hai con sống chung với nhau. Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai trẻ U và E cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tuy bị đơn có ý kiến cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng nhưng nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét và hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con cho bị đơn.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn cùng khai không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K.A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K A được ly hôn với ông Hoàng Minh T.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Hoàng Ngọc Minh U – sinh ngày x/x/201x và Hoàng Minh E – sinh ngày x/x/201x cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà A chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Cả hai khai không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn chịu, được cân trừ vào số tiền đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/00682xx ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo